

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/7/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Đặng Thị Phương Quyên.

2/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 340/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1971 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như L trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn L do mai mối nên quen biết nhau, được gia đình hai bên đồng ý nên kết hôn theo phong tục truyền thống vào năm 1990. Sau đó chúng tôi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2016 ngày 16/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở Đồng Nai, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ổn định,

khoảng 10 năm nay phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do ông L thường xuyên đi nhậu, kiếm chuyện gây gổ, đánh tôi nhiều lần. Do lúc đó con tôi còn nhỏ nên muốn gìn giữ hạnh phúc gia đình để lo cho các con. Từ nhiều năm nay ông L và tôi ly thân nhau, ông L về sinh sống tại xã P, tôi thì tiếp tục sinh sống tại Đồng Nai. Từ lúc ly thân đến nay tôi và ông L không có hòa giải gì với nhau.

Nay nhận thấy đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi quyết định ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Minh T, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1998. Hiện hai con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng hợp hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà Nguyễn Thị Như L có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà Liễu.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Như L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L, ông L, bà L có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà L và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2016 ngày 16/11/2016 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bà là do ông L thường xuyên đi nhậu, kiếm chuyện gây gổ, đánh bà nhiều lần từ lúc kết hôn được vài năm nhưng vì thương con còn nhỏ nên bà gìn giữ hạnh phúc gia đình để lo cho các con,

ông bà đã ly thân từ nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà L1 giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông L, ông L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, bà L1 và ông L đã ly thân từ nhiều năm nay, từ khi ly thân đến nay ông, bà cũng không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, điều đó chứng tỏ bà L1 và ông L đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, đời sống hôn nhân giữa bà L1 và ông L đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà L1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L1 và ông L có 02 người con chung là Nguyễn Minh T, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1998. Hiện hai con chung đã thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Bà L1 và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà L1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Như L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như L được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Như L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016274 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên bà L1 đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Như L và ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang